TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **79**/2017/QĐST-HNGĐ V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	*An Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 82/2017/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017, giữa:

** Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Bé M**, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 0911660587

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 0942264289

** Người có QLNVLQ:* Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 0914805213

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trần Thị Bé M**, sinh năm 1995 và anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1990, cùng địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ nuôi con chung: Chị Trần Thị Bé M và anh Nguyễn Hồng Q

cùng thống nhất xác định và thoả thuận, vợ chồng có một đứa con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 03/10/2016, hiện chị M đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, giao chị M tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc H, anh Q không cấp dưỡng nuôi con cùng chị M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Trần Thị Bé M, anh Nguyễn Hồng Q và bà Trần Thị Đ cùng thống nhất xác định và thoả thuận: 10 chỉ vàng 24k (loại vàng 995) hiện bà Đ đang nợ vợ chồng chị M và anh Q là tài sản chung của chị M và anh Q. Sau khi chị M và anh Q ly hôn, giao chị M được sở hữu toàn bộ 10 chỉ vàng 24k (loại vàng 995), nhưng bà Đ hẹn số lượng, thời gian và phương thức trả như sau:

- Ngày 14/02/2018 trả 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 995);

- Ngày 14/8/2018 trả 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 995).

Chị M đồng ý với số lượng vàng, thời gian và phương thức hẹn trả của bà Đ nêu trên.

Trường hợp bà Trần Thị Đ không thực hiện việc trả nợ đúng như số lượng vàng, thời gian và phương thức đã thỏa thuận thì chị Trần Thị Bé M có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành đủ một lần số vàng bà Trần Thị Đ còn nợ;

- Về quan hệ nợ chung: Chị Trần Thị Bé M và anh Nguyễn Hồng Q cùng thống nhất xác định vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, nên không yêu cầu Toà án giải quyết;

- Về án phí:

+ Án phí DSST thuận tình ly hôn **150.000**đ (300.000đ x 50%). Chị Trần Thị Bé M và anh Nguyễn Hồng Q cùng thống nhất thoả thuận: Chị M tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí DSST thuận tình ly hôn.

+ Án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng: **875.000**đ [(10 chỉ vàng 24k x 3.5000.000đ/chỉ = 35.000.000đ) x 5% x 50%]. Chị Trần Thị Bé M, anh Nguyễn Hồng Q cùng thống nhất thoả thuận: Chị M tự nguyện chịu toàn bộ 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tổng cộng chị M phải chịu **1.025.000**đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000362 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh; Chị M còn phải tiếp tục nộp 725.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí DSST đối với nghĩa vụ giao trả vàng của bà Đ cho chị M: **875.000**đ [(10 chỉ vàng 24k x 3.5000.000đ/chỉ = 35.000.000đ) x 5% x 50%]. Chị Trần Thị

Bé M và bà Trần Thị Đ cùng thống nhất thoả thuận: Bà Đ tự nguyện chịu toàn bộ 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Mỹ Linh